TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2023
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Minh Hoàng
2/. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2023/TLST-HN ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc "tranh chấp xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp PT, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh Ông Văn D, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp PT, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh D vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Ông Văn D chung sống với nhau vào khoảng năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, đến nay anh chị đã có 03 con chung, nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị T xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng cách đây vài năm thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng anh chị đã ly thân cách đây khoảng 01 năm. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng anh chị không thể hàn

gắn lại được và chị cũng không còn tình cảm gì với chồng chị, nên chị yêu cầu xin được ly hôn với chồng chị là anh Ông Văn D.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh chị có 03 người con chung gồm: Ông Thị Bảo Ng, sinh ngày 14/4/2003, Ông Chí B, sinh ngày 03/7/2004 và Ông Thị Bảo H, sinh ngày 24/9/2016. Hai người con lớn đã trưởng thành, có khả năng tự lo lắng chăm sóc cho bản thân. Khi ly chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Riêng đối với người con là Ông Thị Bảo H, sinh ngày 24/9/2016 hiện còn nhỏ, đang sống cùng với anh D. Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh D được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Đối với anh Ông Văn D: Mặc dù anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh D vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh D theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng là đúng theo quy định của pháp luật, đối với bị đơn là chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: chị T và anh D chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh D.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao người con là Ông Thị Bảo H, sinh ngày 24/9/2016 cho anh D được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Anh D không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị T và anh D không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình thì chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh D. Anh D có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị T có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

Anh D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh Mừng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D.

[2] Về nội dung vụ án: chị T và anh D chung sống với nhau vào khoảng 2002, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng đến nay anh chị vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân cách đây khoảng hơn 01 năm. Hiện tại chị T có yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị T và anh D chung sống với nhau như vợ chồng mà không đi đăng ký kết hôn là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…”

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị T và anh D không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T xin ly hôn với anh D thì Hội đồng xét xử không tuyên giải quyết cho chị T và anh D ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh D là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: chị T và anh D có 03 người con chung gồm: Ông Thị Bảo N, sinh ngày 14/4/2003, Ông Chí B, sinh ngày 03/7/2004 và Ông Thị Bảo H, sinh ngày 24/9/2016. Hai người con lớn đã trưởng thành, có khả năng tự lo lắng chăm sóc cho bản thân. Khi ly chị T và anh D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Riêng đối với người con là Ông Thị Bảo H, sinh ngày 24/9/2016 hiện đang sống cùng với anh D. Hiện tại anh D vẫn đủ điều kiện để nuôi con và đảm bảo sự phát triển của con sau nay. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao người con là Ông Thị Bảo H, sinh ngày 24/9/2016 cho anh D được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Anh D không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh D không đặt ra yêu cầu, nên nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lê Thị T và anh Ông Văn D là vợ chồng.

2/. Về nuôi con chung: Giao người con là Ông Thị Bảo H, sinh ngày 24/9/2016 cho anh Ông Văn D được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009836 ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Lê Thị T và anh Ông Văn D biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lưu Hải Đăng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;